



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật  
Viễn thông**

Báo cáo của Hội đồng quản trị và  
Các Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

 **ERNST & YOUNG**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cản đối kê toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 31



# Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

### CÔNG TY

Công ty là một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000095, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 8 năm 2000. Công ty đã đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh các lần tiếp theo và lần cuối cùng là lần thứ chín do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội vào ngày 23 tháng 5 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Nghiên cứu, sản xuất, lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- ▶ Tư vấn kỹ thuật, lập các dự án đầu tư, thiết kế thẩm định các dự án công trình, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- ▶ Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng, linh kiện phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ▶ Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm thiết bị bưu chính viễn thông, điện tử, tin học;
- ▶ Xây dựng các công trình viễn thông, điện tử, tin học;
- ▶ Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- ▶ Xuất nhập khẩu trực tiếp và xuất nhập khẩu ủy thác vật tư, thiết bị, phụ tùng, linh kiện, máy móc trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện tử, điện dân dụng, tin học, giao thông, công nghiệp, xây dựng theo qui định hiện hành;
- ▶ Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật;
- ▶ Mua bán cáp quang, cáp đồng, cáp điện và vật tư, thiết kế viễn thông, tin học, truyền hình...

Công ty có trụ sở chính tại số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và các chi nhánh, xí nghiệp tại các địa chỉ như sau:

Tên chi nhánh/ Xí nghiệp	Địa chỉ
Xí nghiệp Xây lắp số 1	04 Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Xí nghiệp Lắp đặt thiết bị	04 Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Xí nghiệp Bảo dưỡng - Đo kiểm	164 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội
Xí nghiệp Tư vấn – Thiết kế Chi nhánh tại TP. Đà Nẵng	04 Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội Lô 15A 63, đường Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Bình, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh	113 Tân Vĩnh, phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại TP. Cần Thơ	42 Quang Trung, khu đô thị Phú An, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
Chi nhánh tại Tây Nguyên	Tầng 3 tòa nhà 27 Trần Khánh Dư, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đăk Lăk

Công ty đầu tư vào các công ty liên kết vào ngày lập báo cáo này như sau:

- ▶ Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam (tỷ lệ sở hữu: 48,8%)
- ▶ Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam VINA – OFC (tỷ lệ sở hữu: 25%)

# Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	14.149.611.055	10.154.589.392
Cổ tức trả trong năm	7.935.183.400	3.504.511.000
Cổ tức tạm tính nhưng chưa trả trong năm	8.160.000.000	5.614.781.000
Lợi nhuận để lại vào cuối năm tài chính	4.736.922.433	1.914.486.455

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị trong giai đoạn và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Nguyễn Đức Đồng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2009
Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2009
Nguyễn Đình Tuấn	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2009
Trần Bá Chung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2009
Quách Văn Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2009
Nguyễn Văn Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2009

## CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ngày 30 tháng 3 năm 2010



Số tham chiếu: 60786825/13857438

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính riêng") được trình bày từ trang 5 đến trang 31. Các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác có báo cáo kiểm toán đề ngày 6 tháng 5 năm 2009 và đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với việc ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong năm 2007 với số tiền là 793.326.012 VND. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2007 của Công ty đã được phản ánh cao hơn với số tiền tương ứng.

### Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính riêng. Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông đã lập và phát hành các báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam. Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo của chúng tôi đề ngày 30 tháng 3 năm 2010 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

TPh

Trần Phú Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0637/KTV

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Hồng Sơn

Nguyễn Hồng Sơn  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0646/KTV

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		188.009.315.634	144.809.688.430
110	I. Tiền	4	11.505.414.059	15.114.817.380
111	1. Tiền		11.505.414.059	15.114.817.380
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		146.964.687.589	109.329.739.954
131	1. Phải thu khách hàng		112.251.067.956	97.491.241.435
132	2. Trả trước cho người bán		379.504.470	4.901.970.924
135	3. Các khoản phải thu khác	5	34.773.115.163	7.036.527.595
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(439.000.000)	(100.000.000)
140	III. Hàng tồn kho	6	14.270.078.318	12.363.218.016
141	1. Hàng tồn kho		14.270.078.318	12.363.218.016
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		15.269.135.668	8.001.913.080
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		641.375.632	310.806.088
152	2. Thuế Giá trị Gia tăng được khấu trừ		125.536.437	151.310.684
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		357.539.947	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	14.144.683.652	7.539.796.308
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		71.616.501.874	69.978.279.991
220	I. Tài sản cố định		37.411.765.870	35.876.644.892
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	14.094.123.083	16.060.285.862
222	Nguyên giá		45.227.867.481	41.131.629.403
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(31.133.744.398)	(25.071.343.541)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	20.076.025.678	19.816.359.030
228	Nguyên giá		20.182.692.363	19.869.692.363
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(106.666.685)	(53.333.333)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.241.617.109	-
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		34.000.408.000	32.680.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	10	28.110.408.000	26.790.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác	11	5.890.000.000	5.890.000.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		204.328.004	1.421.635.099
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		138.953.004	1.356.260.099
268	2. Tài sản dài hạn khác		65.375.000	65.375.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		259.625.817.508	214.787.968.421

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		149.022.776.055	107.364.049.740
310	I. Nợ ngắn hạn		148.225.432.555	107.111.015.582
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	30.861.910.670	9.049.821.900
312	2. Phải trả người bán		36.564.536.199	29.382.239.342
313	3. Người mua trả tiền trước		8.753.512.084	619.667.900
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	13.709.102.500	10.006.656.391
315	5. Phải trả người lao động		5.408.876.350	5.785.580.925
316	6. Chi phí phải trả	14	18.911.299.353	7.726.489.236
317	7. Phải trả các bên liên quan	23	2.343.761.534	9.346.013.204
318	8. Phải trả nhà thầu xây dựng		358.477.379	3.031.044.604
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	31.005.287.928	30.269.684.526
320	10. Dự phòng ngắn hạn	16	308.668.558	1.893.817.554
330	II. Nợ dài hạn		797.343.500	253.034.158
333	1. Vay dài hạn	17	200.000.000	-
337	2. Dự phòng trợ cấp thôi việc		597.343.500	253.034.158
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		110.603.041.453	107.423.918.681
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	110.573.171.416	107.423.918.681
411	1. Vốn cổ phần		48.000.000.000	48.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		49.698.020.000	49.698.020.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.429.619.201	6.429.619.201
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		1.190.450.093	1.190.450.093
419	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		518.159.689	191.342.933
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.736.922.433	1.914.486.454
430	II. Quỹ khác	18.6	29.870.037	-
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		29.870.037	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		259.625.817.508	214.787.968.421

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại – Đô la Mỹ (USD)	3.336,38	518,95

Phan Sỹ Kiên  
Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 3 năm 2010



Nguyễn Đức Đồng  
Tổng Giám đốc

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	217.785.417.168	168.117.515.230
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	217.785.417.168	168.117.515.230
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20,22	(186.973.775.426)	(145.966.390.834)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.811.641.742	22.151.124.396
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	4.103.811.747	6.724.621.229
22	7. Chi phí tài chính	21	(2.401.760.955)	(1.814.569.977)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.426.079.614	(1.357.755.888)
24	8. Chi phí bán hàng	22	(1.558.774.607)	(1.850.878.521)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(14.174.308.926)	(12.522.527.204)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.780.609.001	12.687.769.923
31	11. Thu nhập khác		675.233.995	2.771.413.792
32	12. Chi phí khác		(815.293.020)	(3.201.325.851)
40	13. Lỗ khác		(140.059.025)	(429.912.059)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.640.549.976	12.257.857.864
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(2.490.938.921)	(2.103.268.472)
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		14.149.611.055	10.154.589.392
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	25	2.948	2.116

Phan Sỹ Kiên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Đồng  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỰ RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỰ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>16.640.549.976</b>	<b>12.257.857.864</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	8, 9	6.115.734.209	6.368.239.116
03	Các khoản dự phòng		339.000.000	-
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		975.681.341	218.436.038
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	19.2	(3.515.405.429)	(6.275.308.333)
06	Chi phí lãi vay	21	1.426.079.614	1.357.755.888
07	Thu nhập từ lãi tiền gửi	21	(400.239.846)	(851.733.343)
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>21.581.399.865</b>	<b>13.075.247.230</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(45.308.569.290)	(31.048.421.075)
10	Tăng/(giảm) hàng tồn kho		(1.906.860.302)	5.250.868.228
11	Giảm các khoản phải trả		18.594.444.899	9.890.877.635
12	Tăng/(giảm) chi phí trả trước		886.737.551	(1.626.100.322)
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.426.079.614)	(1.357.755.888)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.818.651.890)	(1.040.250.546)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.589.798.791)	(2.026.225.693)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(12.987.377.572)</b>	<b>(8.811.636.936)</b>
	<b>II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỰ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản cố định khác		(7.650.855.187)	(3.949.887.188)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	26.780.790.781
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(6.610.000.000)
26	Tiền chi để mua các công ty con, trừ đi tiền thu về		(1.320.408.000)	8.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.915.645.275	4.590.733.343
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>(5.055.617.912)</b>	<b>28.811.636.936</b>
	<b>III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỰ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		44.468.096.544	27.331.096.781
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(22.456.007.774)	(34.745.802.816)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông		(7.935.183.400)	(3.698.581.000)
37	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính khác		356.686.793	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ /(sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>14.433.592.163</b>	<b>(11.113.287.035)</b>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

B03-DN

BAO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.609.403.321)	8.816.589.470
60	Tiền đầu năm		15.114.817.380	6.361.792.457
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(63.564.547)
70	Tiền cuối năm	4	11.505.414.059	15.114.817.380

Phan Sỹ Kiên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Đồng  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000095, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 8 năm 2000. Công ty đã đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh các lần tiếp theo và lần cuối cùng là lần thứ chín do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội vào ngày 23 tháng 5 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Nghiên cứu, sản xuất, lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- ▶ Tư vấn kỹ thuật, lập các dự án đầu tư, thiết kế thẩm định các dự án công trình, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- ▶ Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng, linh kiện phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ▶ Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm thiết bị bưu chính viễn thông, điện tử, tin học;
- ▶ Xây dựng các công trình viễn thông, điện tử, tin học;
- ▶ Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- ▶ Xuất nhập khẩu trực tiếp và xuất nhập khẩu ủy thác vật tư, thiết bị, phụ tùng, linh kiện, máy móc trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện tử, điện dân dụng, tin học, giao thông, công nghiệp, xây dựng theo qui định hiện hành;
- ▶ Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật;
- ▶ Mua bán cáp quang, cáp đồng, cáp điện và vật tư, thiết kế viễn thông, tin học, truyền hình...

Công ty có trụ sở chính tại số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và các chi nhánh, xí nghiệp tại các địa chỉ như sau:

Tên chi nhánh/Xí nghiệp	Địa chỉ
Xí nghiệp Xây lắp số 1	04 Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Xí nghiệp Lắp đặt thiết bị	04 Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Xí nghiệp Bảo dưỡng - Đo kiểm	164 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội
Xí nghiệp Tư vấn – Thiết kế Chi nhánh tại TP. Đà Nẵng	04 Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội Lô 15A 63, đường Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Bình, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh	113 Tân Vĩnh, phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại TP. Cần Thơ	42 Quang Trung, khu đô thị Phú An, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
Chi nhánh tại Tây Nguyên	Tầng 3 tòa nhà 27 Trần Khánh Dư, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đăk Lăk

Công ty đầu tư vào các công ty liên kết vào ngày lập báo cáo này như sau:

- ▶ Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam (tỷ lệ sở hữu: 48,8%)
- ▶ Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam VINA – OFC (tỷ lệ sở hữu: 25%)

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là: 315 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008: 290 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập các báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập cho mục đích báo cáo cho các cơ quan Nhà nước hữu quan và để phục vụ mục đích quản trị nội bộ của Ban Giám đốc Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có các Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam và Công ty Cổ phần Cáp Quang Việt Nam Vina – OFC. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty liên kết này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được lập theo phương pháp vốn chủ sở hữu và đã được phát hành riêng biệt vào ngày 30 tháng 3 năm 2010.

### 2.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tinh hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.6 Thuê tài sản** (tiếp theo)

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất không thời hạn cho các lô đất số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình và không được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

**3.7 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 12 năm
Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	3 năm
Trang thiết bị văn phòng	2 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Đầu tư vào các công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được trình bày theo giá gốc. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo VAS 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

##### Nghiệp vụ

Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ

Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ

##### Xử lý kế toán theo VAS 10

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng

##### Xử lý kế toán theo Thông tư 201

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh
- Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính riêng của Công ty nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày ở Thuyết minh số 26.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng bên quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo xác nhận khôi lượng hoàn thành giữa Công ty và khách hàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.15 Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí hợp đồng xây dựng được ghi nhận dựa trên giá trị khôi lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thường và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

### 4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	259.562.074	171.387.142
Tiền gửi ngân hàng	<u>11.245.851.985</u>	<u>14.943.430.238</u>
	<b><u>11.505.414.059</u></b>	<b><u>15.114.817.380</u></b>

### 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu cỗ tức	3.515.405.762	2.515.508.333
Phải thu từ nhân viên	993.198.936	2.466.104.435
Phải thu tạm ứng công trình	2.118.010.452	-
Phải thu từ khối lượng công trình đã hoàn thành (*)	22.118.847.456	-
Phải thu khác	<u>6.027.652.557</u>	<u>2.054.914.827</u>
	<b><u>34.773.115.163</u></b>	<b><u>7.036.527.595</u></b>

(\*) Đây là các khoản phải thu tương ứng với doanh thu đã được ghi nhận trong năm 2009 dựa trên giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận. Tuy nhiên, Công ty chưa chính thức phát hành hóa đơn cho khách hàng.

### 6. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	2.132.029.787	2.335.723.115
Công cụ, dụng cụ	447.853.111	63.304.254
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.158.851.741	8.492.245.312
Hàng hóa	531.343.679	660.299.679
Hàng gửi đi bán	-	811.645.656
	<b><u>14.270.078.318</u></b>	<b><u>12.363.218.016</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 7. TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tam ứng cho nhân viên thực hiện công trình	14.079.300.469	7.263.802.434
Thẻ chấp kí cược, kí quỹ ngắn hạn	65.383.183	275.993.874
	<b>14.144.683.652</b>	<b>7.539.796.308</b>

## 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	9.119.219.604	18.833.288.698	10.659.805.293	2.519.315.808	41.131.629.403
- Tăng trong năm	278.233.636	3.229.633.855	554.491.714	88.471.429	4.150.830.634
Mua mới tài sản	-	3.229.633.855	554.491.714	88.471.429	3.872.596.998
Chuyển từ xây dựng cơ bản	278.233.636			278.233.636	
- Giảm trong năm	(54.592.556)	-	-	-	(54.592.556)
Số dư cuối năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<b>9.342.860.684</b>	<b>22.062.922.553</b>	<b>11.214.297.007</b>	<b>2.607.787.237</b>	<b>45.227.867.481</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	1.716.060.158	13.795.157.699	7.482.537.327	2.077.588.357	25.071.343.541
- Khấu hao trong năm	1.117.317.363	2.955.561.853	1.564.828.359	424.693.282	6.062.400.857
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<b>2.833.377.521</b>	<b>16.750.719.552</b>	<b>9.047.365.686</b>	<b>2.502.281.639</b>	<b>31.133.744.398</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	7.403.159.446	5.038.130.999	3.177.267.966	441.727.451	16.060.285.862
Số dư cuối năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<b>6.509.483.163</b>	<b>5.312.203.001</b>	<b>2.166.931.321</b>	<b>105.505.598</b>	<b>14.094.123.083</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VNĐ Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	19.709.692.363	160.000.000	19.869.692.363
- Mua trong năm	313.000.000	-	313.000.000
- Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	20.022.692.363	160.000.000	20.182.692.363
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	-	53.333.333	53.333.333
- Tăng trong năm	-	53.333.352	53.333.352
- Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	-	106.666.685	106.666.685
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	19.709.692.363	106.666.667	19.816.359.030
Số dư cuối năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	20.022.692.363	53.333.315	20.076.025.678

Quyền sử dụng đất được cầm cố theo hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội như được trình bày tại Thuyết minh số 12.

## 10 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Tỷ lệ sở hữu thực tế (%)	Tỷ lệ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (%)	Đơn vị tính: VNĐ
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam	13.970.408.000	12.650.000.000	
Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam VINA - OFC	14.140.000.000	14.140.000.000	
	<b>28.110.408.000</b>	<b>26.790.000.000</b>	

Tên đơn vị	31/12/2009	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2008
Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam	48,80%	46,44%	51%	51%
Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam VINA - OFC	25%	25%	25%	25%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

#### 10 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

##### Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam

Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam ("Công ty Huawei – TST") là một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019669, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 19 tháng 9 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần 1 vào ngày 11 tháng 9 năm 2008. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty sở hữu 51% vốn cổ phần của Công ty Huawei – TST. Tuy nhiên, Công ty không thực hiện kiểm soát doanh nghiệp này mà tiếp tục duy trì ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của doanh nghiệp trong năm 2009.

##### Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam VINA - OFC

Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam VINA - OFC là một công ty cổ phần thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 011031000001, do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 16 tháng 6 năm 2008. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH sản xuất cáp sợi quang Vina – LSC theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 011021000001 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 10 tháng 8 năm 2007.

#### 11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Đơn vị tính: VNĐ Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam và thiết bị bưu điện	4.930.000.000	4.930.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động (MOBI-I)	960.000.000	960.000.000
	<b>5.890.000.000</b>	<b>5.890.000.000</b>

#### 12. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN

	Số cuối năm	Đơn vị tính: VNĐ Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	30.861.910.670	9.049.821.900
	<b>30.861.910.670</b>	<b>9.049.821.900</b>

Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội chịu lãi suất từ 6% đến 12% một năm cho các khoản vay bằng đồng Việt Nam, hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 40.000.000.000 đồng. Các khoản vay được bảo đảm bằng tòa nhà và quyền sử dụng đất của Công ty tại các lô đất số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với giá trị được xác định giữa các bên là 22.184.160.000 VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	10.308.140.011	5.749.277.966
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 23.2)	3.272.600.028	3.600.312.997
Thuế thu nhập cá nhân	29.530.805	555.233.771
Các loại thuế khác	98.831.656	101.831.657
	<u>13.709.102.500</u>	<u>10.006.656.391</u>

## 14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả thi công công trình	18.234.892.007	7.068.980.800
Trích trước chi phí hoạt động bảo dưỡng	585.211.902	-
Chi phí bảo hành công trình	-	-
Các khoản khác	91.195.444	657.508.436
	<u>18.911.299.353</u>	<u>7.726.489.236</u>

## 15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	118.770.223	118.770.223
Bảo hiểm xã hội và y tế	116.963.907	178.599.413
Kinh phí công đoàn	616.026.542	762.045.577
Phải trả nhân viên thực hiện công trình	13.021.464.572	11.499.448.475
Phải trả cỗ tức	8.723.809.901	10.176.478.001
Chi phí phải trả thi công công trình	3.684.423.792	-
Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	2.212.227.154	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.511.601.837	7.534.342.837
	<u>31.005.287.928</u>	<u>30.269.684.526</u>

(\*) Đây là khoản thuế giá trị gia tăng tương ứng với doanh thu đã được ghi nhận trong năm 2009 dựa trên giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận. Tuy nhiên, Công ty chưa chính thức phát hành hóa đơn cho khách hàng. Công ty sẽ chính thức kê khai thuế trên cơ sở hóa đơn phát hành trong năm tài chính tiếp theo.

## 16. DỰ PHÒNG NGÂN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dự phòng bảo hành vật tư và xây lắp công trình	308.668.558	1.893.817.554
	<u>308.668.558</u>	<u>1.893.817.554</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 17. VAY DÀI HẠN

Bên cho vay	31 tháng 12 năm 2009	Giá trị ban đầu	Kỳ hạn trả gốc	Đơn vị tính: VNĐ	
				Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Huỳnh Trịnh Mỹ Nữ	100.000.000	100.000.000	3 năm	15%	Không
Trần Thị Thu Huyền	100.000.000	100.000.000	3 năm	15%	Không
	200.000.000	200.000.000			

Các khoản vay dài hạn từ cá nhân chịu lãi suất 15% một năm, được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh cho chi nhánh Tây Nguyên. Khoản vay cá nhân trên không có tài sản đảm bảo.



Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

B09-DN

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế	sau phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>								
Số dư đầu năm	48.000.000.000	49.405.860.000	3.929.619.201	754.639.093	405.656.009	11.437.114.012	113.932.888.315	
- Tăng vốn	-	292.160.000	-	-	-	-	-	292.160.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	10.154.589.392	10.154.589.392	
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.660.257.000)	(13.660.257.000)	
- Trích lập quỹ	-	2.500.000.000	435.811.000	507.729.470	(5.001.542.350)	(1.558.001.880)		
- Sử dụng quỹ	-	-	-	(164.419.853)	(836.000.000)	(1.000.419.853)		
- Giảm khác	-	-	-	(557.622.693)	(179.417.599)	(737.040.292)		
Số dư cuối năm	<u>48.000.000.000</u>	<u>49.698.020.000</u>	<u>6.429.619.201</u>	<u>1.190.450.093</u>	<u>191.342.933</u>	<u>1.914.486.455</u>	<u>107.423.918.682</u>	
<b>Năm nay</b>								
Số dư đầu năm	48.000.000.000	49.698.020.000	6.429.619.201	1.190.450.093	191.342.933	1.914.486.455	107.423.918.682	
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	14.149.611.055	14.149.611.055	
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.160.000.000)	(8.160.000.000)	
- Trích lập quỹ	-	-	-	-	476.816.756	(2.249.998.791)	(1.773.182.035)	
- Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(339.800.000)	(339.800.000)	
- Giảm khác	-	-	-	-	(150.000.000)	(577.376.286)	(727.376.286)	
Số dư cuối năm	<u>48.000.000.000</u>	<u>49.698.020.000</u>	<u>6.429.619.201</u>	<u>1.190.450.093</u>	<u>518.159.689</u>	<u>4.736.922.433</u>	<u>110.573.171.416</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

## 18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm Cổ phiếu thường	Số đầu năm Cổ phiếu thường
Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam	15.749.910.000	15.749.910.000
Vốn góp cổ đông khác	32.250.090.000	32.250.090.000
	<u>48.000.000.000</u>	<u>48.000.000.000</u>

## 18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	48.000.000.000	48.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<u>48.000.000.000</u>	<u>48.000.000.000</u>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố trong năm (*)</b>	-	-

(\*) Cổ tức năm 2009 được tạm trích theo kế hoạch căn cứ vào Nghị Quyết số 32/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 18 tháng 5 năm 2009. Tỷ lệ cổ tức tạm tính là 17% so với mệnh giá.

## 18.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm kế toán</b>	<b>7.935.183.400</b>	<b>3.698.581.000</b>
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	7.935.183.400	3.698.581.000
Cổ tức cho năm 2008: 1.700 VNĐ /cổ phiếu	7.935.183.400	3.698.581.000

## 18.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu được phép phát hành</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>4.800.000</b>	<b>4.800.000</b>
Số lượng cổ phiếu đã đã phát hành và được gộp vốn đầy đủ	4.800.000	4.800.000
Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (Ngày 31 tháng 12 năm 2008: 10.000 VNĐ)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.6 Quỹ khác

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	
Số đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	1.773.182.035
Tăng trong năm	(1.743.311.998)
Giảm trong năm	
Số cuối năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>29.870.037</u>

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>217.785.417.168</b>	<b>168.117.515.230</b>
Trong đó		
Doanh thu bán hàng	94.217.724.116	48.896.848.089
Doanh thu bảo dưỡng	36.850.379.254	39.958.762.720
Doanh thu lắp, lắp đặt	67.740.756.274	67.245.981.491
Doanh thu sửa chữa, ứng cứu	10.206.883.132	4.957.431.054
Doanh thu khác	8.769.674.392	7.058.491.876
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>217.785.417.168</b>	<b>168.117.515.230</b>

Tổng doanh thu năm 2009 bao gồm 21.214.579.097 đồng được ghi nhận dựa trên giá trị khôi lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận. Tuy nhiên, Công ty chưa chính thức phát hành hóa đơn cho khách hàng.

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	400.239.846	851.733.343
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	2.244.000.000
Thu cổ tức	3.515.405.429	3.436.770.248
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.614.176	179.850.850
Doanh thu hoạt động tài chính khác	150.552.296	12.266.788
<b>4.103.811.747</b>	<b>4.103.811.747</b>	<b>6.724.621.229</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	87.727.460.031	47.223.694.960
Giá vốn bảo dưỡng	25.809.820.811	25.978.671.137
Giá vốn xây lắp, lắp đặt	57.465.710.931	60.101.436.714
Giá vốn sửa chữa, ứng cứu	10.285.558.333	6.430.687.544
Giá vốn khác	5.685.225.320	6.231.900.479
	<b>186.973.775.426</b>	<b>145.966.390.834</b>

## 21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	1.426.079.614	1.357.755.888
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	199.774.332
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	975.681.341	218.436.038
Chi phí tài chính khác	-	38.603.719
	<b>2.401.760.955</b>	<b>1.814.569.977</b>

## 22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.516.210.946	61.253.572.461
Chi phí nhân công	30.578.103.143	15.280.369.251
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.115.734.209	6.368.239.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.136.673.892	9.088.414.430
Chi phí khác	30.360.136.769	68.349.201.301
	<b>202.706.858.959</b>	<b>160.339.796.559</b>

## 23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 25% lợi nhuận chịu thuế. Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009, Công ty được hưởng ưu đãi giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm tài chính 2009.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

## 23.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	2.490.938.921	2.103.268.472
	<u>2.490.938.921</u>	<u>2.103.268.472</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## 23.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	16.640.549.976	12.257.857.864
Các điều chỉnh giảm lợi nhuận theo kế toán	(2.406.613.286)	(3.181.572.295)
Chi phí lãi trả chậm cổ tức cho tập đoàn bưu chính Viễn Thông	133.110.802	-
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN (cổ tức)	(3.515.405.429)	(3.400.008.333)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	975.681.341	218.436.038
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa căn trừ lỗ năm trước	<u>14.233.936.690</u>	<u>9.076.285.569</u>
Lỗi năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	14.233.936.690	9.076.285.569
Thuế suất thuế TNDN	25%	28%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	3.558.484.173	2.541.359.959
Thuế TNDN được miễn giảm (30%)	(1.067.545.252)	(438.091.487)
Thuế TNDN phải trả ước tính sau miễn giảm năm hiện hành	2.490.938.921	2.103.268.472
Thuế TNDN phải trả đầu năm	3.600.312.997	2.537.295.071
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiểu (thừa) năm trước	(2.818.651.890)	(1.040.250.546)
Thuế TNDN đã trả trong năm	<u>3.272.600.028</u>	<u>3.600.312.997</u>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính:VNĐ	
			Giá trị	
Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam	Công ty liên kết	Góp vốn Mua thiết bị	1.320.408.000 189.050.132	
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông	Mua vật tư	183.263.691	

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Theo Công văn số 2456 do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 5 năm 2002, Công ty được Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam giao quản lý và sử dụng kho vật tư với số tiền ban đầu là 5.898.025.977 VNĐ. Căn cứ vào giá trị vật tư sử dụng trong năm, Công ty sẽ ghi nhận khoản phải trả cho Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, số vật tư đã sử dụng và còn tồn trong kho có giá trị theo đơn giá bàn giao lần lượt là 1.700.334.940 VNĐ và 4.197.691.037 VNĐ.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

*Phải trả người bán*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam	Công ty liên kết	Mua thiết bị	189.050.132	
Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina OFC	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	912.075.966	
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông	Mua vật tư	1.242.635.436	
			<u>2.343.761.534</u>	

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

*Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc*

Lương và thưởng	Đơn vị tính:VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
	713.314.622	742.159.177
	<u>713.314.622</u>	<u>742.159.177</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

#### 25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.149.611.055	10.154.589.392
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.800.000</u>	<u>4.800.000</u>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.948</u></b>	<b><u>2.116</u></b>

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

#### 26. ẢNH HƯỞNG CỦA THÔNG TƯ 201 ĐẾN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Như đã trình bày ở Thuyết minh 3.12, trong năm 2009, Công ty tiếp tục áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo chuẩn mức kế toán VAS 10, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong Thông tư 201.

Nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 cho năm 2009, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty sẽ như sau:

Đơn vị tính: VND  
VAS 10 Thông tư 201 Chênh lệch

##### Bảng cân đối kế toán

Chênh lệch tỷ giá hối đoái - 975.681.341 (975.681.341)

##### Báo cáo kết quả kinh doanh

Lỗ chênh lệch tỷ giá thuần 975.681.341 - 975.681.341

#### 27. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

##### 27.1 Cam kết theo hợp đồng thuê hoạt động

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	277.000.000	175.000.000
Từ 1 đến 5 năm	278.000.000	30.000.000
Trên 5 năm	555.000.000	205.000.000
<b>1.110.000.000</b>	<b>410.000.000</b>	

Các khoản tiền thuê phải trả bao gồm các hợp đồng thuê nhà xưởng, văn phòng của các chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 27. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

### 27.2 Cam kết góp vốn

Cam kết góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Huawei - TST Việt Nam:

Công ty Cổ phần Huawei - TST Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019669 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 09 năm 2007 với vốn điều lệ là 50.000.000.000 VNĐ. Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông góp 51% vốn điều lệ của Công ty này, tương đương 25.500.000.000 VNĐ. Số vốn Công ty đã góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 13.970.408.000 VNĐ (Thuyết minh số 10). Số vốn cam kết Công ty còn phải góp là 11.529.592.000 VNĐ.

Cam kết góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật hạ tầng mạng thông tin di động (MOBI-I):

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật hạ tầng mạng thông tin di động được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021688 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2008 với vốn điều lệ là 80.000.000.000 VNĐ. Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông góp 3% vốn điều lệ của Công ty này, tương đương 2.400.000.000 VNĐ. Số vốn Công ty đã góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 960.000.000 VNĐ (Thuyết minh số 11). Số vốn cam kết Công ty còn phải góp là 1.440.000.000 VNĐ.

### 27.3 Nợ tiềm tàng về thuế thu nhập doanh nghiệp

Trong năm 2007, Công ty ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm do mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất với số tiền 793.326.012 VNĐ trên cơ sở vận dụng quy định tại khoản a, điểm 2, mục IV, phần E Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo quy định tại khoản a, điểm 2, mục IV, phần E Thông tư số 134/2007/TT-BTC, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được áp dụng đối với các dự án đầu tư lắp đặt dây chuyên sản xuất mới. Mặc dù các tài sản đầu tư mua sắm mới của Công ty trong năm 2007 được sử dụng cho hoạt động xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa, Công ty tin tưởng sẽ được áp dụng điều khoản trên về việc miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như đã được chấp nhận bởi cơ quan thuế trong những năm trước đây.

Việc ghi nhận khoản miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 793.326.012 VNĐ nói trên sẽ được quyết định bởi cơ quan thuế khi tiến hành kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty cho năm tài chính 2007.

## 28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng.

Phan Sỹ Kiên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Đồng  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2010